TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1743/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;
2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4867/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà C (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Bị đơn: Ông W (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thành phố S, Bang C, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2022 và lời khai của nguyên đơn – bà C thì: Bà và ông W đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 28/8/2018. Sau khi kết hôn, tháng 9/2018 thì ông W quay về Hoa Kỳ sinh sống, làm việc và không quay về Việt Nam nữa. Do khoảng cách địa lý xa, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách suy nghĩ, cách sống. Từ tháng 3/2021 đến nay thì không còn liên lạc với nhau nữa. Do tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông W.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt của ông W đề ngày 21/7/2022, ông W thống nhất với lời trình bày của bà C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn với bà C và đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông W đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – bà C và bị đơn – ông W có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 và Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông W.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 28/8/2018 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì giữa bà C và ông W là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của bà C và ông W thì do khoảng cách địa lý, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu do bất đồng về suy nghĩ, quan điểm sống, không thể hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đồng ý ly hôn. Xét cả hai hiện có khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt, đây là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đều đồng ý ly hôn nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4, Điều 147; Khoản 4, Điều 207; Khoản 1, Điều 273; Khoản 1, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19; Khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116; Điều 117; Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Về hôn nhân: Bà C được ly hôn ông W.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002257 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – bà C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; bị đơn – ông W được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: HSVA, VT (HA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Anh